

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/DS-PT
Ngày 27-02-2023
V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại
về tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi.

Các Thẩm phán:

Ông Lưu Hữu Giàu;

Ông Nguyễn Hoàng Thám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bé Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2022/TLPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 113/2022/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 244/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 363/2022/QĐ-PT ngày 29 tháng 12 năm 2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 07/2023/QĐ-PT ngày 30 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Bá V, sinh năm 1977; nơi cư trú: Tổ 23, ấp B, xã G, huyện S, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Ngô Thị Anh N, sinh năm 1997; nơi cư trú: Ấp H, xã M, huyện S, tỉnh An Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 29/11/2022) (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Dương Văn T, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ 23, ấp B, xã G, huyện S, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Dương Văn T là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Bá V (sau đây gọi tắt là ông V) và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện của ông V cùng trình bày:

Ông V có diện tích khoảng 2.714m² đất trồng Mít Thái, Sầu Riêng, Bơ giáp với đất của ông Dương Văn T (sau đây gọi tắt là ông T) trồng lúa. Ngày 13/5/2021, ông V phát hiện vườn Mít của ông V bị héo lá và rụng, nguyên nhân là do bị ảnh hưởng từ việc ông T xạ phân cho lúa có trộn thuốc nhưng ông V không rõ loại thuốc ông T sử dụng; ông V có thông báo cho ông T biết sự việc, ông T có đưa cho ông V 500.000 đồng và 02 liều thuốc dưỡng phun cho cây Mít, ông T có nói: “*Nếu không thể cứu được thì cây nào chết ông T sẽ bồi thường cây đó, cây nào còn sống nếu vẫn bị tổn hại thì sẽ bồi thường phần thiệt hại*”. Sau khi phun thuốc dưỡng (do ông T đưa), khoảng 10 ngày sau vườn cây trái của ông V bị chết hoàn toàn, gồm: 24 cây Mít (03 năm tuổi), 04 cây Mít (01-1,5 năm tuổi), 10 cây Cà Na Thái (02 năm tuổi), 01 cây Sầu Riêng (1,5 năm tuổi) và khoảng 100 cây Mít và cây Cà Na Thái bị tổn hại không ra trái, tổng giá trị thiệt hại tính theo giá thị trường là 55.000.000 đồng. Ông V trình báo Ban ấp, Ban ấp mời ông T làm việc nhưng ông T vắng mặt nên không lập biên bản. Đến ngày 19/6/2021, ông V trình báo Trung T trồng trọt và Bảo vệ thực vật huyện S đến xác minh và làm việc với ông T, khi đó ông T thỏa thuận đưa tiếp cho ông V 10.000.000 đồng nhưng ông V yêu cầu ông T bồi thường 15.000.000 đồng thì sẽ không kiện nhưng ông T không đồng ý bồi thường 15.000.000 đồng nên hòa giải không thành.

Ông V nộp đơn khởi kiện yêu cầu ông T bồi thường thiệt hại 55.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông V rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông V về số tiền 29.635.000 đồng; yêu cầu ông T bồi thường thiệt hại là 25.365.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông T trình bày:

Ông có đất trồng lúa giáp với đất trồng cây ăn trái của ông V. Khoảng tháng 5/2021, ông có xạ phân cho lúa; sau đó, ông V thông báo cây ăn trái của ông V bị héo và chết. Do nhà ông có bán thuốc bảo vệ thực vật nên ông có đưa 02 liều thuốc dưỡng để ông V phun cho cây ăn trái; sau đó, ông V thông báo cây ăn trái của ông V chết và yêu cầu ông bồi thường thiệt hại 55.000.000 đồng nhưng ông không đồng ý. Nay ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông V, vì chưa xác định được nguyên nhân gây chết cây ăn trái của ông V.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 113/2022/DS-ST ngày 25/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang đã quyết định: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông V về yêu cầu bồi thường thiệt hại 29.635.000 đồng. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V. Buộc ông T có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông V 25.365.000 đồng. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả tiền, chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 25/10/2022, ông T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện của ông V trình bày: Ông V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; đồng ý bản án sơ thẩm; không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông T.

- Ông T trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Tự nguyện hỗ trợ cho ông V 10.000.000 đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của ông T; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 113/2022/DS-ST ngày 25/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang: Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông V về yêu cầu ông T bồi thường thiệt hại cho ông V số tiền 25.365.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T hỗ trợ cho ông V 10.000.000 đồng. Ông V phải chịu án phí sơ thẩm 1.268.000 đồng và chi phí tố tụng. Ông T không phải chịu án phí sơ thẩm, phúc thẩm. Các phần còn lại cả bản án dân sự sơ thẩm không sửa, đề nghị giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Ông T kháng cáo trong thời hạn pháp luật quy định và có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T trình bày: *“Lúa của tôi trồng được khoảng 09 ngày tuổi nên tôi bón phân loại: Ure, DAP, Kali, Humic để dưỡng cây lúa. Tôi có kinh doanh cửa hàng thuốc bảo vệ thực vật nên tôi biết rõ tác dụng của thuốc bảo vệ thực vật và phân bón cho cây trồng”.*

Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh An Giang cung cấp thông tin (tại Văn bản số: 163/SNNPTNT-CCTTBVTV ngày 01/02/2023) về các loại phân Ure, DAP, Kali, Humic không gây hại đến cây lúa, rau màu và cây ăn trái (Mít, Cà Na, Sầu Riêng).

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 30/01/2023, ông V trình bày: *“Tôi không rõ ông T phun loại thuốc gì gây ảnh hưởng đến cây ăn trái của tôi; theo tôi suy luận là do ông T dùng thuốc diệt cỏ 2.4D nên mới ảnh hưởng đến cây ăn trái của tôi bị chết; loại Humic như ông T trình bày là tốt cho rễ cây nên Humic*

không ảnh hưởng cây ăn trái của tôi”. Tuy nhiên, ông V không cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc ông T có sử dụng thuốc bảo vệ thực vật 2.4D gây hại đến cây ăn trái của ông V. Đồng thời, theo Văn bản số: 50/TL-TTBVTV ngày 28/12/2021 của Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật huyện Thoại Sơn thông tin cho ông V biết như sau: “Hiện nay, xác minh số cây Mít chết tại vườn của ông V đã chết khô nhưng không xác minh được nguyên nhân”.

[2.3] Tuy bà C và ông A trình bày về cây ăn trái của bà C và ông A bị chết nhưng không có kết luận của cơ quan có thẩm quyền xác định cây ăn trái của bà C và ông A bị chết là do ông T sử dụng thuốc bảo vệ thực vật gây ra; Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ không nêu nguyên nhân gây hại cây ăn trái của ông V; lời khai của những người làm chứng, gồm: Ông Ngô Hữu T (cán bộ Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật huyện S), ông Nguyễn Mộng T (nguyên Trưởng ấp B), bà Nguyễn Thị Mỹ D (Phó ấp B) không biết nguyên nhân gây hại cây ăn trái của ông V; hơn nữa, ông Nguyễn Mộng T và bà Nguyễn Thị Mỹ D không có thẩm quyền về xác định nguyên nhân gây hại cho cây ăn trái; bà Nguyễn Thị Kim N là vợ của ông V nên lời khai của bà N làm chứng cho ông V là không khách quan. Do đó, cấp sơ thẩm căn cứ vào Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và căn cứ vào lời khai của những người làm chứng để buộc ông T có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông V là không có cơ sở.

Ý kiến của ông T hỗ trợ cho ông V 10.000.000 đồng không phải là chứng cứ về việc ông T có gây thiệt hại toàn bộ cây ăn trái của ông V với số tiền 25.365.000 đồng như ông V yêu cầu. Bởi vì, căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 584 của Bộ luật Dân sự năm 2015 phải đảm bảo các điều kiện: Có thiệt hại xảy ra; hành vi gây thiệt hại là hành vi trái pháp luật; có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật và thiệt hại xảy ra. Ông V không cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc cơ quan có thẩm quyền kết luận cây ăn trái của ông V bị chết là do ông T phun thuốc bảo vệ thực vật gây ra, tức là ông V không cung cấp tài liệu, chứng cứ về hành vi trái pháp luật của ông T; không cung cấp tài liệu, chứng cứ về mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật và thiệt hại xảy ra cho vườn cây ăn trái của ông V.

Mặt khác, theo ông V trình bày thì thiệt hại về cây ăn trái của ông V vào ngày 19/6/2021 là 15.000.000 đồng nhưng đơn khởi kiện yêu cầu 55.000.000đ là không thống nhất (thể hiện tại biên bản hòa giải ngày 13/7/2021, ông V trình bày: “Ngày 19/6/2021, ông có báo với Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật huyện S xuống làm việc, ông T thỏa thuận đưa tiếp 10.000.000đ, nhưng ông yêu cầu ông T đưa 15.000.000đ”); đồng thời, lời khai của ông V không thống nhất là cùng số tiền 55.000.000 đồng nhưng số lượng và loại cây khác nhau (tại Biên bản làm việc do Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật huyện S lập ngày 19/6/2021, ông V yêu cầu ông T bồi thường 28 cây Mít bị thiệt hại là 55.000.000 đồng nhưng tại Đơn khởi kiện ngày 10/6/2021, ông V yêu cầu ông T bồi thường thiệt hại 24 cây Mít 03 năm tuổi, 04 cây Mít từ 01-1,5 năm tuổi, 10

cây Cà Na Thái 2 năm tuổi, 01 cây Sầu Riêng 1,5 năm tuổi và khoảng 100 cây Mít và cây Cà Na Thái bị tổn hại không ra trái, tổng cộng là 55.000.000 đồng).

Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông V là không có cơ sở; tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, ông T tự nguyện hỗ trợ 10.000.000 đồng cho ông V. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V về yêu cầu ông T bồi thường 25.365.000 đồng, ghi nhận sự tự nguyện của ông T hỗ trợ 10.000.000 đồng cho ông V như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

[3] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, ông T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 148 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Dương Văn T.
2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 113/2022/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang:
 - Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bá V về yêu cầu ông Dương Văn T bồi thường số tiền 29.635.000 đồng (hai mươi chín triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng).
 - Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bá V về yêu cầu ông Dương Văn T bồi thường số tiền 25.365.000 đồng (hai mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).
 - Ghi nhận sự tự nguyện của ông Dương Văn T hỗ trợ cho ông Nguyễn Bá V số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).
 - Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Bá V phải chịu chi phí tố tụng là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) (ông Nguyễn Bá V đã nộp đủ).
 - Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Bá V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.268.000 đồng (một triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.375.000 đồng (một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0008566 ngày 21/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, ông Nguyễn Bá V được nhận lại 107.000 đồng (một trăm lẻ bảy nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Dương Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Dương Văn T được nhận lại 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0011300 ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA tỉnh;
- TAND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Tòa Dân sự;
- Dương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Ngọc Phỉ